



CÔNG TY TNHH NHỰA CHÂU ÂU XANH



BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN EUROPIPE
PRICE LIST OF EUROPIPE PLASTIC PIPE AND FITTINGS



BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN CHỊU NHIỆT PP-R

PRICE LIST OF PP-R PLASTIC PIPE AND FITTING

Đơn vị tính (Unit): VND/cái-unit

Minh họa Picture	Kích thước Dimension	Giá bán Price	Minh họa Picture	Kích thước Dimension	Giá bán Price	Minh họa Picture	Kích thước Dimension	Giá bán Price
	Ống PN10 PN10 Pipe			Ống PN16 PN16 Pipe			Ống PN20 PN20 Pipe	
	D20 x 2.3mm	23,400		D20 x 2.8mm	26,000		D20 x 3.4mm	28,900
	D25 x 2.8mm	41,700		D25 x 3.5mm	48,000		D25 x 4.2mm	50,700
	D32 x 2.9mm	54,100		D32 x 4.4mm	65,000		D32 x 5.4mm	74,600
	D40 x 3.7mm	72,500		D40 x 5.5mm	88,000		D40 x 6.7mm	115,500
	D50 x 4.6mm	106,300		D50 x 6.9mm	140,000		D50 x 8.3mm	179,500
	D63 x 5.8mm	169,000		D63 x 8.6mm	220,000		D63 x 10.5mm	283,000
	D75 x 6.8mm	235,000		D75 x 10.3mm	300,000		D75 x 12.5mm	392,000
	D90 x 8.2mm	343,000		D90 x 12.3mm	420,000		D90 x 15.0mm	586,000
	D110 x 10.0mm	549,000		D110 x 15.1mm	640,000		D110 x 18.3mm	825,000
	Cút 90° 90° Elbow			Tê đều 90° Aqual Tees 90°			Tê thu 90° Reducing Tee 90°	
	D20	5,800		D20	6,800		D25/20	10,500
	D25	7,700		D25	10,500		D32/25,20	18,500
	D32	13,500		D32	17,300		D40/32,25,20	40,700
	D40	22,000		D40	27,000		D50/40,32,25,20	71,500
	D50	38,600		D50	53,000		D63/50,40,32,25,20	125,700
	D63	118,201		D63	133,000		D75/40,32,25	172,101
	D75	154,300		D75	166,400		D75/63,50	185,000
	D90	238,000		D90	262,500		D90/63,50	290,000
	D110	485,000		D110	480,000		D90/75	319,000
	Chếch 45° 45° Elbow			Măng sông Socket			Côn thu Reducer coupling	
	D20	4,800		D20	3,100		D25/20	4,800
	D25	7,700		D25	5,200		D32/25,20	6,800
	D32	11,600		D32	8,000		D40/32,25,20	10,500
	D40	23,100		D40	12,800		D50/40,32,25,20	18,900
	D50	44,100		D50	23,000		D63/50,40,32,25,20	36,600
	D63	101,000		D63	46,000		D75/63,50, 40	63,900
	D75	155,300		D75	77,100		D90/50, 40	94,500
	D90	185,000		D90	130,500		D90/75, 63	120,400
	D110	322,100		D110	211,600		D110/50,40	183,600
							D110/90,75,63	247,200
	D140	1,048,100		D125	407,200		D125/110	393,400
	D160	1,118,300		D140	581,400		D140/90	563,000
				D160	814,400		D140/110	885,100
							D160/110	885,100
							D160/140	885,100

Bảng giá trên đã bao gồm thuế VAT / This price list includes VAT.

Bảng giá có hiệu lực từ ngày 01/07/2020 đến khi có thông báo mới / This price list is effective from 01/07/2020 until new notice.

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN CHỊU NHIỆT PP-R PRICE LIST OF PP-R FITTING

Đơn vị tính (Unit): VND/cái-unit

Minh họa Picture	Kích thước Dimension	Giá bán Price	Minh họa Picture	Kích thước Dimension	Giá bán Price	Minh họa Picture	Kích thước Dimension	Giá bán Price
	Cút ren trong Female Threaded Elbow			Cút ren ngoài Male Threaded Elbow			Van chặn Stop Valve	
	D20x1/2"	42,301		D20x1/2"	59,500		D20	149,001
	D25x1/2"	48,000		D25x1/2"	67,300		D25	202,000
	D25x3/4"	64,700		D25x3/4"	79,500		D32	233,000
	D32x1"	119,500		D32x1"	126,600		D40	361,000
	D40x1"	280,000		D40x1"	297,000		D50	615,000
	Măng sông ren trong Female Reducing Sleeve			Măng sông ren ngoài Male Reducing Sleeve			Van cửa Gate valve	
	D20x1/2"	38,000		D20x1/2"	48,000		D20	200,000
	D25x1/2"	46,500		D25x1/2"	55,501		D25	230,000
	D25x3/4"	51,900		D25x3/4"	67,000		D32	330,000
	D32x1"	84,500		D32x1"	99,000		D40	555,500
	D40x1.1/4"	209,501		D40x1.1/4"	288,000		D50	866,250
	Zacco nhựa Plastic union			Zacco ren trong Female Union			Zacco ren ngoài Male Union	
	D20	38,000		D20x1/2"	90,500		D20x1/2"	96,500
	D25	56,000		D25x3/4"	145,000		D25x3/4"	150,500
	D32	80,500		D32x1"	212,500		D32x1"	236,500
	D40	92,500		D40x1.1/4"	333,000		D40x1.1/4"	351,000
	D50	139,000		D50x1.1/2"	580,000		D50x1.1/2"	619,500
	Tê ren trong Female Threaded Tees			Tê ren ngoài Male Threaded Tees			Mặt bích Flange	
	D20x1/2"	42,600		D20x1/2"	52,500		D50	180,000
	D25x1/2"	45,601		D20x1/2"	57,000		D63	222,750
	D25x3/4"	66,501		D25x3/4"	69,000		D75	287,300
	D32x1"	145,200		D32x1"	145,000		D90	393,600
	D32x3/4"	145,200		D50x1"	165,000		D110	517,500
	D50x1"	400,000		D50x3/4"	165,000		D125	844,800
	D50x1/2"	240,000					D140	1,597,200
	Ống tránh Bridge			Nút bịt End Cap			Nút bịt ren Male Threaded End Cap	
	D20	15,000		D20	2,900		D20	8,250
	Cút đôi ren trong Double Female Elbow			D25	5,000			
	D25	28,001		D32	6,500			
				D40	9,800			
				D50	18,500			
				D63	90,000			
				D75	160,000			
				D90	180,000			
				D110	198,000			
	D25x1/2"	106,800						

Bảng giá trên đã bao gồm thuế VAT / This price list includes VAT.
Bảng giá có hiệu lực từ ngày 01/07/2020 đến khi có thông báo mới
This price list is effective from 01/07/2020 until new notice.

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR



GIÁM ĐỐC
JONAS DANIELSON



CÔNG TY TNHH NHỰA CHÂU ÂU XANH (EUROPIPE)

Địa chỉ: QL3, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên

Điện thoại: 02803.666.828 | **Fax:** 02803.666.821

Hotline: 0963.035.558 - 0962.152.211

Website: www.europipevietnam.com.vn

Email: info@europipevietnam.com.vn

EURO GREEN PLASTIC COMPANY LIMITED (EUROPIPE)

Address: National Road No3, Thuan Thanh, Pho Yen, Thai Nguyen

Tel: (+84) 2803.666.828 | **Fax:** (+84) 2803.666.821

Hotline: (+84) 963. 035.558 | 0962.152.211

Website: www.europipevietnam.com.vn

Email: info@europipevietnam.com.vn

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI:

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà HH Vườn Đào, ngõ 689 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024.668.37304 | **Fax:** 024.6250.6161

HANOI HEAD OFFICE

Address: 4th Floor, Vuon Dao Complex, lane 689 Lac Long Quan, Tay Ho, Hanoi

Tel: (+84) 24.668.37304 | **Fax:** (+84) 24.6250.6161

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG:

Địa chỉ: Số 229 Nguyễn Tri Phương, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Hotline: 0963.035.558 | 0964. 837.788

DA NANG BRANCH:

Address: 229 Nguyen Tri Phuong, Vinh Trung, Thanh Khe, Da Nang

Hotline: (+84) 963.035.558 | (+84) 964. 837.788